**BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

**NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN THCS HẠNG II**

**----------------------------------------**

**ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG**

***Chuyên đề 7***

**DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC**
**HỌC SINH Ở TRƯỜNG THCS**

 ***TS. PHẠM THỊ HÒA***

**MỤC TIÊU**

*Kiến thức*

Nâng cao những kiến thức cơ bản nhất về: Dạy học theo định hướng PTNL HS, một số PPDH hiệu quả PTNLHS, thiết kế và vận dụng dạy học tích hợp liên môn nhằm PTNLHS

*Kĩ năng*

Củng cố và nâng cao các nhóm kĩ năng: nghiên cứu, tìm hiểu về dạy học theo đinh hướng PTNLHS, kĩ năng tư học, tự nghiên cứu, thảo luận, làm việc nhóm, kĩ năng vận dụng, tư duy, tổng hợp, khái quát,...

*Thái độ*

Nâng cao ý thức, trách nhiệm của mình trong đổi mới PPDH

Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã thu nhận vào thực tiễn đổi mới PPDH ở trường PT góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDVN.

**NỘI DUNG**

**1. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực**

***1.1. Khái niệm năng lực người học***

Khái niệm năng lực (competency) được hiểu nhiều nghĩa khác nhau:

- Năng lực được xây dựng trên cơ sở tri thức, thiết lập qua giá trị, cấu trúc như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm/củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí (John Erpenbeck 1998)

- Năng lực là các khả năng và kỹ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được… để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực cũng hàm chứa trong nó tính sẵn sàng hành động, động cơ, ý chí và trách nhiệm xã hội để có thể sử dụng một cách thành công và có trách nhiệm các giải pháp… trong những tình huống thay đổi (Weinert, 2001).

- Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể” (OECD, 2002).

- Trong lĩnh vực sư phạm nghề, năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các các nhiệm vụ nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm, cũng như sự sẵn sàng hành động.

Trong chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực, khái niệm năng lực được sử dụng như sau:

1. Năng lực liên quan đến bình diện mục tiêu của dạy học: mục tiêu dạy học được mô tả thông qua các năng lực cần hình thành

2. Trong chương trình, những nội dung học tập và hoạt động cơ bản được liên kết với nhau nhằm hình thành các năng lực

3. Năng lực là sự kết nối tri thức, hiểu biết, khả năng, mong muốn.

4. Mục tiêu hình thành năng lực định hướng cho việc lựa chọn, đánh giá mức độ quan trọng và cấu trúc hóa các nội dung và hoạt động và hành động dạy học về mặt phương pháp

5. Năng lực mô tả việc giải quyết những đòi hỏi về nội dung trong các tình huống.

6. Các năng lực chung cùng với các năng lực chuyên biệt tạo thành nền tảng chung cho công việc giáo dục và dạy học

7. Mức độ phát triển năng lực có thể được xác định trong các tiêu chuẩn nghề; Đến một thời điểm nhất định nào đó, HS có thể / phải đạt được những gì?

Năng lực được quan niệm là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kỹ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân… nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định. Năng lực thể hiện sự vận dụng tổng hợp nhiều yếu tố (phẩm chất của người lao động, kiến thức và kỹ năng) được thể hiện thông qua các hoạt động của cá nhân nhằm thực hiện một loại công việc nào đó.

*Năng lực là khả năng làm chủ hệ thống tri thức, kĩ năng, thái độ... và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập, giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra cho họ trong cuộc sống.*

***1.2. Mô hình cấu trúc năng lực***

Để hình thành và phát triển năng lực cần xác định các thành phần và cấu trúc của chúng. Có nhiều loại năng lực khác nhau. Việc mô tả cấu trúc và các thành phần năng lực cũng khác nhau. Cấu trúc chung của năng lực hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 năng lực thành phần: Năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội, năng lực cá thể.

***Năng lực chuyên môn*** (*Professional competency*): Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như khả năng đánh giá kết quả chuyên môn một cách độc lập, có phương pháp và chính xác về mặt chuyên môn. Nó được tiếp nhận qua việc học nội dung – chuyên môn và chủ yếu gắn với khả năng nhận thức và tâm lý vận động.

***Năng lực phương pháp*** (*Methodical competency*): Là khả năng đối với những hành động có kế hoạch, định hướng mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề. Năng lực phương pháp bao gồm năng lực phương pháp chung và phương pháp chuyên môn. Trung tâm của phương pháp nhận thức là những khả năng tiếp nhận, xử lý, đánh giá, truyền thụ và trình bày tri thức. Nó được tiếp nhận qua việc học phương pháp luận – giải quyết vấn đề.

***Năng lực xã hội*** (*Social competency*): Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống giao tiếp ứng xử xã hội cũng như trong những nhiệm vụ khác nhau trong sự phối hợp chặt chẽ với những thành viên khác. Nó được tiếp nhận qua việc học giao tiếp.

***Năng lực cá thể*** (*Induvidual competency*): Là khả năng xác định, đánh giá được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của cá nhân, phát triển năng khiếu, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân, những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các thái độ và hành vi ứng xử. Nó được tiếp nhận qua việc học cảm xúc – đạo đức và liên quan đến tư duy và hành động tự chịu trách nhiệm.

Mô hình cấu trúc năng lực trên đây có thể cụ thể hoá trong từng lĩnh vực chuyên
môn, nghề nghiệp khác nhau. Mặt khác, trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp người ta cũng mô tả các loại năng lực khác nhau. Ví dụ năng lực của GV bao gồm những nhóm cơ bản sau: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực chẩn đoán và tư vấn, năng lực phát triển nghề nghiệp và phát triển trường học.

Mô hình bốn thành phần năng lực trên phù hợp với bốn trụ cốt giáo dục theo
UNESCO:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành phần năng lực**  |  |  **Các trụ cột GD của UNESO**  |
|  |    |   |
| **Năng lực chuyên môn**  |  | **Học để biết**  |
|  |    |   |
| **Năng lực phương pháp**  |  | **Học để làm**  |
|  |    |   |
| **Năng lực xã hội**  |  | **Học để cùng chung sống**  |
|  |    |  |
| **Năng lực cá thể**  |  | **Học để tự khẳng định**  |

Từ cấu trúc của khái niệm năng lực cho thấy giáo dục định hướng phát triển
năng lực không chỉ nhằm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể. Những năng lực này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ.

Năng lực hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các năng lực này.
Nội dung dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ giới hạn trong
tri thức và kỹ năng chuyên môn mà gồm những nhóm nội dung nhằm phát triển các
lĩnh vực năng lực:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Học nội dung chuyên môn** | **Học PP – chiến lược** | **Học giao tiếp -xã hội** | **Học tự trải nghiệm - đánh giá** |
|  Các tri thức chuyên môn (các khái niệm, phạm trù, các mối quan hệ…) Các kĩ năng chuyên môn |  Lập kế hoạch làm việc, hoạch học tập  Các phương pháp nhận thức. Thu thập, Xử lí thông tin, trình bày tri thức |  Làm việc trong nhóm, tạo điều kiện cho sự hiểu biết về phương diện xã hội, cách ứng xử, tinh thần trách nhiệm và khả năng giải quyết xung đột |  Tự đánh giá điểm mạnh và yếu, kế hoạch PT có thể Thái độ tự trọng, trân trọng các giá trị, các chuẩn đạo đức, các giá trị văn hoá |
| **Năng lực chuyên môn** | **Năng lực phương pháp** | **Năng lực xã hội** | **Năng lực cá thể** |

***1.3 Dạy học theo định hướng nội dung và dạy học theo định hướng phát triển năng lực***

Dạy học định hướng phát triển năng lực, hay còn gọi là dạy học định hướng kết
quả đầu ra được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỷ 20 và ngày nay đã trở
thành xu hướng giáo dục quốc tế.

Dạy học định hướng phát triển năng lực nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của
việc dạy học, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú
trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Chương trình này nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách chủ thể của quá trình nhận thức. Khác với chương trình định hướng nội dung, chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là “sản phẩm cuối cùng” của quá trình dạy học. Việc quản lý chất lượng dạy học chuyển từ việc điều khiển “đầu vào” sang điều khiển “đầu ra”, tức là kết quả học tập của người học.

Trong chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực, khái niệm năng lực
được sử dụng như sau:

- Năng lực liên quan đến bình diện mục tiêu của dạy học: mục tiêu dạy học
được mô tả thông qua các năng lực cần hình thành;

- Trong các môn học, những nội dung và hoạt động cơ bản được liên kết với
nhau nhằm hình thành các năng lực;

- Năng lực là sự kết nối tri thức, hiểu biết, khả năng, mong muốn...;

- Mục tiêu hình thành năng lực định hướng cho việc lựa chọn, đánh giá mức độ quan trọng và cấu trúc hóa các nội dung và hoạt động và hành động dạy học về mặt phương pháp;

- Năng lực mô tả việc giải quyết những đòi hỏi về nội dung trong các tình huống: ví dụ như đọc một văn bản cụ thể ... Nắm vững và vận dụng được các phép tính cơ bản;

- Các năng lực chung cùng với các năng lực chuyên môn tạo thành nền tảng chung cho công việc giáo dục và dạy học;

- Mức độ đối với sự phát triển năng lực có thể được xác định trong các chuẩn: Đến một thời điểm nhất định nào đó, HS có thể/phải đạt được những gì? Bảng so sánh một số đặc trưng cơ bản của chương trình dạy học theo tiếp cận trang bị kiến thức và chương trình định hướng phát triển năng lực sẽ cho chúng ta thấy ưu điểm của dạy học định hướng phát triển năng lực:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | [**Chương trình định hướng nội dung**](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Ch%C6%B0%C6%A1ng_tr%C3%ACnh_gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng_n%E1%BB%99i_dung_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc) | **Chương trình định hướng phát triển năng lực** |
| **Mục tiêu giáo dục**  | Mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được  | Kết quả học tập cần đạt được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được; thể hiện được mức độ tiến bộ của HS một cách liên tục  |
| **Nội dung giáo dục**  | Việc lựa chọn nội dung dựa vào các khoa học chuyên môn, không gắn với các tình huống thực tiễn. Nội dung được quy định chi tiết trong chương trình.  | Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đã quy định, gắn với các tình huống thực tiễn. Chương trình chỉ quy định những nội dung chính, không quy định chi tiết.  |
| **Phương pháp dạy học** | GV là người truyền thụ tri thức, là trung tâm của quá trình dạy học. HS tiếp thu thụ động những tri thức được quy định sẵn.  | - GV chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ HS tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức. Chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,…;- Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; các phương pháp dạy học thí nghiệm, thực hành  |
| **Hình thức dạy học** | Chủ yếu dạy học lý thuyết trên lớp học  | Tổ chức hình thức học tập đa dạng; chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học  |
| **Đánh giá kết quả học tập của HS**  | Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi nhớ và tái hiện nội dung đã học.  | Tiêu chí đánh giá dựa vào năng lực đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn.  |

***1.4. Nội dung và phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực***

*Nội dung dạy học* theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ giới hạn trong
tri thức và kỹ năng chuyên môn mà gồm những nhóm nội dung nhằm phát triển các
lĩnh vực năng lực

*Phương pháp dạy học* theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích
cực hoá HS về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề
gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV- HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học cần bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Theo quan điểm phát triển năng lực, việc đánh giá kết quả học tập không lấy
việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá.
Đánh giá kết quả học tập cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong
những tình huống ứng dụng khác nhau.

Tư tưởng cốt lõi của chương trình mới là hướng đến quá trình giáo dục hình
thành năng lực chung, năng lực chuyên biệt để con người có thể phát triển, thích nghi với hoàn cảnh sống, học tập, làm việc luôn biến đổi trong cả cuộc đời. Điều này sẽ làm thay đổi một cách căn bản trong toàn bộ hoạt động giáo dục phổ thông, từ nội dung, phương pháp đến cách thức đánh giá.

**Về phương pháp**, quá trình giáo dục được tổ chức bằng các hoạt động của
chính người học, tạo cơ hội hình thành và thể hiện kiến thức, kỹ năng, thái độ. Phương pháp giáo dục mới sẽ gắn với chuẩn mới. Chuẩn giáo dục phổ thông được xem xét trên ba phương diện là phẩm chất, kỹ năng học tập phổ quát và kỹ năng thuộc các lĩnh vực học tập.

**Về nội dung**, giáo dục tích hợp được quán triệt, kết hợp với phân hóa sâu dần
để có một chương trình giảm số đầu môn học bắt buộc, tăng các môn học, chủ đề tự chọn, giúp học sinh có vốn kiến thức rộng, gắn với thực tiễn và chuẩn bị tâm thế hướng nghiệp, hướng nghề.

**Về phẩm chất**, gồm các tiêu chí: Tình yêu gia đình, quê hương đất nước; nhân ái, khoan dung, quan hệ thân thiện với con người và môi trường tự nhiên; trung thực trong học tập và trong các mối quan hệ; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; tự chủ, tự tin và có tinh thần vượt khó; chấp hành pháp luật, nội quy, quy định nơi công cộng.

**Năng lực chung** gồm 7 kỹ năng: năng lực học tập chung, cơ bản; năng lực tư duy; năng lực thu thập (tìm kiếm, tổ chức, xử lý thông tin); năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực tự quản lý và phát triển bản thân.

**Năng lực chuyên biệt** gắn với các lĩnh vực học tập như ngôn ngữ, toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ, nghệ thuật, đạo đức- giáo dục công dân, giáo dục thể chất.

Với tiêu chuẩn mới, **cách đánh giá** cũng thay đổi. Trong đánh giá truyền thống, học sinh càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức kỹ năng được coi là có kết quả cao hơn, trong khi đánh gia năng lực thì học sinh ***hoàn thành được nhiệm vụ*** càng khó, càng phức tạp hơn sẽ được coi là có năng lực cao hơn, tức là kết quả đánh giá phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ đã hoàn thành.

Cụ thể, bên cạnh việc thi cử, kiểm tra thì hệ hệ thống đánh giá mới còn có quan sát, làm báo cáo, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, dự án học tập.

***1.5. Môi trường, vai trò của người giáo viên, vai trò của nhà quản lý trong hoạt***
***động dạy học theo định hướng phát triển năng lực***

Trong hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực, giáo viên là yếu tố quyết định hàng đầu. Với sự nhận thức đúng đắn, với tinh thần trách nhiệm và sự quyết tâm cao, kỹ năng sử dụng thiết bị dạy học và tổ chức hướng dẫn học sinh học tập tốt là những phẩm chất cần thiết của người giáo viên trong nhà trường.

Tri thức của giáo viên là những đặc điểm quan trọng trong công tác giáo dục. Giáo viên với bất cứ lớp học nào đều phải hội đủ các điều kiện về kiến thức, khả năng giảng dạy hữu hiệu, lòng nhiệt thành và đức tính thân mật. Bên cạch đó giáo viên phải có kỹ năng tổ chức hướng dẫn học sinh trong lớp học, có kỹ năng sử dụng đồ dùng dạy học, có năng lực tự thu thập thông tin phong phú của thời đại để phục vụ yêu cầu dạy học.

Giáo viên phải nắm vững yêu cầu nội dung giáo dục, nắm vững kiến thức và kỹ năng cần truyền đạt đến học sinh để thiết kế dẫn dắt học sinh đi từ dễ đến khó, từ ít đến nhiều. Tài nghệ của giáo viên trong công tác giảng dạy cũng cần thiết không kém bất cứ một lĩnh vực sáng tạo nào khác. Công tác này có thể trở thành một hình thức sáng tạo nhất. Nếu người giáo viên khéo kéo phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh thì con người đang chịu tác động của giáo dục sẽ trở thành chủ thể của giáo dục.

Quá trình học quan trọng hơn môn học, quá trình học tạo thói quen trí tuệ, kỹ năng
phân tích vấn đề, khả năng tiếp thu, diễn đạt, tổ chức xử lý thông tin. Thói quen học tập là quan trọng trong giáo dục trung cấp, cao đẳng, đại học, thực tế kiến thức rất đa dạng và thay đổi theo thời gian vì vậy giảng dạy là khai thác và tận dụng nội lực của học sinh để họ sẽ tự học suốt đời.

Giáo viên hiện nay không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người hỗ trợ
học sinh hướng dẫn tìm chọn và xử lý thông tin. Vị trí của nhà giáo không phải được xác định bằng sự độc quyền về thông tin và trí thức có tính đẳng cấp, mà bằng trí tuệ và sự từng trải của mình trong quá trình dẫn dắt học sinh tự học; giúp người học sẵn sàng tiếp thu khái niệm mới, tích cực thể hiện tương tác, trải nghiệm,…tăng cường hứng thú, tự tin, kích thích tư duy sáng tạo của người học. Để làm được điều này đòi hỏi mỗi giáo viên phải có hiểu biết cơ bản về nội dung chương trình của lớp học, cấp học. Mạnh dạn đổi mới cách thiết kế và tổ chức lớp học trong đó các hoạt động thực hành cần được thực hiện thường xuyên. Chuyển quá trình thuyết giảng một cách hình thức, áp đặt của người dạy thành quá trình tự học, tự tìm tòi, khám phá của người học.

Trong quá trình dạy học trên lớp, giáo viên có thể thực hiện theo trình tự:

- Giúp học sinh nắm được mục tiêu nhiệm vụ học tập;

- Tự mình giải quyết nhiệm vụ học tập;

- Khi gặp khó khăn mới trao đổi với bạn (khi đó nhóm học tập hình thành một
cách tự nhiên theo nhu cầu của chính các em).

- Các bạn trong nhóm trao đổi bài kiểm tra cho nhau, nói cho nhau kết quả,
cách làm của mình.

- Báo cáo kết quả học tập trước lớp cho các bạn và cô giáo.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập mới.

Trong khi học sinh học, giáo viên chọn vị trí thích hợp quan sát thái độ, cử chỉ
nét mặt để phát hiện em nào gặp khó khăn, kịp thời có biện pháp giúp đỡ. Nếu nhiệm vụ học tập là vấn đề khó với đa số học sinh, giáo viên mới hướng dẫn chung với cả lớp. Để học sinh thuận lợi trong trao đổi, tương tác, việc kê bàn ghế cần bố trí phù hợp, nên kê theo nhóm, học sinh ngồi đối diện với nhau.

Với cách tổ chức dạy học như vậy, cách đánh giá học sinh cũng được chuyển
trọng tâm từ đánh giá *"kết thúc"*, đánh giá *"tổng kết"* sang đánh giá quá trình, đánh
giá *"tiến trình"*; chuyển đánh giá *"bằng điểm số"* sang đánh giá*"bằng nhận xét"*.
Việc đánh giá quá trình phát triển, đánh giá sự tiến bộ mới là đánh giá thiết thực
và hiệu quả nhất cho sự phát triển của mỗi học sinh. Điều này đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên quan sát, theo dõi cá nhân học sinh, nhóm học sinh trong quá trình học tập để có nhận định, động viên hoặc gợi ý, hỗ trợ kịp thời đối với từng việc làm, từng nhiệm vụ của mỗi cá nhân hoặc của cả nhóm học sinh.

Đồng thời giáo viên còn quan sát từng học sinh để kịp thời đưa ra những nhận
định về một số biểu hiện của phẩm chất và năng lực của học sinh. Từ đó, động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các tố chất riêng, sửa chữa khuyết điểm để ngày càng tiến bộ.

***1.6. Đánh giá năng lực người học trong quá trình dạy học***

*1.6.1. Các tiêu chí đánh giá năng lực người học*

Người có năng lực về một lĩnh vực hoạt động nào đó cần có đủ các dấu hiệu cơ
bản sau:

- Có kiến thức, hiểu biết một cách có hệ thống hoặc chuyên sâu về lĩnh vực
hoạt động đó

- Có khả năng tiến hành hoạt động đó hiệu quả và đạt kết quả phù hợp với mục
đích (bao gồm xác định mục tiêu cụ thể, cách thức (phương pháp) thực hiện hành
động, lựa chọn được các giải pháp phù hợp... và các điều kiện, phương tiện để đạt
mục đích)

- Hành động có kết quả, ứng phó linh hoạt, hiệu quả trong những điều kiện mới,
không quen thuộc

*1.6.2. Đặc điểm của đánh giá năng lực người học*

Đánh giá năng lực người học có xu hướng tập trung vào các nhiệm vụ phức tạp
hoặc gắn với bối cảnh cụ thể. Nó cho phép người học chứng minh năng lực của họ
trong một bối cảnh giả lập “đích thực”. Theo Ormiston: *“Đánh giá xác thực kết quả học tập phản ánh các nhiệm vụ cụ thể và giải quyết những vấn đề được yêu cầu trong thực tế, bên ngoài nhà trường”*.

Ví dụ: Mười cô bạn học cũ gặp nhau trong bữa ăn tối. Khi chia tay, mỗi người
tặng lên má mỗi người khác một nụ hôn. Có bao nhiêu nụ hôn tất cả?

(Gợi ý: A. 90; B. 100; C. 110; D. 120)

Những đặc trưng của đánh giá năng lực người học là:

+ Yêu cầu người học phải kiến tạo một sản phẩm

+ Đo lường cả quá trình thực hiện và cả sản phẩm của quá trình

+ Trình bày một vấn đề thực, trong thế giới thực, cho phép người học bộc lộ
khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn

+ Cho phép người học bộc lộ quá trình học tập và tư duy thông qua thực hiện bài
thi

*1.6.3. Các hình thức đánh giá năng lực người học*

*- Sản phẩm*: bài luận, bài tập lớn, truyện ngắn, bài thơ, báo cáo khoa học, báo
cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, băng hình ghi lại các hoạt động, danh mục sách tham khảo, đánh giá của bạn học, tự đánh giá của bản thân v.v..

*- Dự án học tập*: dự án thực hiện trong vài giờ hoặc 1, 2 tuần; giảng viên theo
dõi quá trình người học thực hiện để đánh giá khả năng tự tìm kiếm và thu thập thông tin, tổng hợp và phân tích chúng theo mục tiêu của dự án; đánh giá các kĩ năng cần thiết trong cuộc sống như cam kết làm việc, lập kế hoạch, hợp tác, nhận xét, bình luận, giải quyết vấn đề, ra quyết định, trình bày...

*- Trình diễn:* Người học thực hiện một bài tập nghiên cứu, thu thập thông tin, viết bài luận để trình diễn; trình bày bằng lời trước những người quan tâm; và khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong trình diễn.

*- Thực hiện (nhiệm vụ)*: Người học tiến hành thí nghiệm, đi khảo sát và viết báo
cáo về kết quả chuyến khảo sát, phỏng vấn hoặc trao đổi thư từ với các chuyên gia và viết bài luận từ kết quả nghiên cứu; ghi lại tiến trình phát triển của một sự vật, hiện tượng, tổ chức một hoạt động (xemina, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm, hội thảo...)

*1.6.4. Các bước xây dựng kiểm tra đánh giá năng lực*

- *Bước 1*. Xác định chuẩn - điều HS cần và có thể thực hiện. Có các loại chuẩn:

+ Chuẩn nội dung: miêu tả những gì người học phải biết hoặc có thể làm được
trên cơ sở một đơn vị nội dung của một môn học hoặc hai môn học gần nhau

+ Chuẩn quá trình: miêu tả những kĩ năng mà HS phải rèn luyện để cải thiện quá trình học tập - đó là những kĩ năng cơ bản để áp dụng cho tất cả các môn học (Ví dụ: HS có thể tìm được và đánh giá được những thông tin liên quan đến môn học)

+ Chuẩn giá trị: miêu tả những phẩm chất mà HS cần rèn luyện trong quá trình học tập.

- *Bước 2*. Xác định nhiệm vụ

Nhiệm vụ là một bài tập được thiết kế để đánh giá năng lực vận dụng kiến thức,
kĩ năng đã xác định ở bước 1 (chuẩn) và giải quyết những thách thức trong thực tế.

Các kiểu nhiệm vụ:

+ Câu hỏi - bài tập ngắn

+ Bài tập lớn, truyện ngắn, bài thơ, báo cáo thí nghiệm, báo cáo khoa học...

- *Bước 3*. Xác định các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ

+ Tiêu chí: là những chỉ báo/ chỉ số mô tả những dấu hiệu đặc trưng của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Một tiêu chí tốt phải đáp ứng các yêu cầu:

• Được phát biểu rõ ràng, dễ hiểu

• Ngắn gọn

• Quan sát được

• Mô tả hành vi

- *Bước 4*. Xây dựng thang điểm

+ Thang điểm mô tả hoặc đưa ra các chỉ số thực hiện, chỉ từng mức độ hoàn
thành nhiệm vụ tương ứng với các tiêu chí.

+ Có hai loại phiếu đánh giá: phiếu đánh giá định tính và phiếu đánh giá định
lượng

• Phiếu đánh giá định tính: cho phép đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ nói chung, không đi sâu vào từng chi tiết. Phiếu đánh giá này giúp giảng viên chấm bài nhanh, phù hợp với các kỳ đánh giá tổng kết

• Phiếu đánh giá định lượng: Chia nhiệm vụ thành các bộ phận tách rời nhau, sinh viên định giá trị (bằng điểm số) cho những bộ phận đó. Phiếu đánh giá này mất thời gian hơn vì phải phân tích từng kĩ năng , từng đặc trưng khác nhau trong bài làm của sinh viên nhưng lại cho phép thu được nhiều thông tin phản hồi hơn phiếu đánh giá định tính.

**2. Một số phương pháp dạy học hiệu quả**

***2.1. Khái niệm***

*\* Khái niệm*

PPDH được hiểu là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa GV và HS, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích dạy học.

PPDH tích cực: chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa , tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học , tức là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy

*\* Đặc điểm của PPDH tích cực*

* Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của học sinh
* Dạy và học coi trọng rèn luyện phương pháp tự học
* Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác
* Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò
* Giáo viên phải tin tưởng vào khả năng của người học và khích lệ/tạo động cơ để các em học tập.

*\* PPDH có ba bình diện*

*Bình diện vĩ mô* **là quan điểm về PPDH**. Ví dụ: Dạy học hướng vào người học, dạy học phát huy tính tích cực của HS,…

*Bình diện trung gian* là PPDH cụ thể. Ví dụ: phương pháp đóng vai, thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, xử lí tình huống, trò chơi, … , là những hình thức, cách thức hành động của GV và HS nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể.

*Bình diện vi mô* là Kĩ thuật dạy học . Ví dụ: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi... KTDH là những biện pháp, cách thức hành động của GV trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

***2.2. Một số PPDH tích cực***

*2.2.1. PPDH giải quyết vấn đề*

Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là PPDH trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là "tình huống gợi vấn đề" vì "Tư duy chỉ bắt đầu khi xuất hiện tình huống có vấn đề" (Rubinstein).

Tình huống có vấn đề (tình huống gợi vấn đề) là một tình huống gợi ra cho HS những khó khăn về lí luận hay thực hành mà họ thấy cần có khả năng vượt qua, nhưng không phải ngay tức khắc bằng một thuật giải, mà phải trải qua quá trình tích cực suy nghĩ, hoạt động để biến đổi đối tượng hoạt động hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có.

*\* Quy trình thực hiện*

Bước 1. Phát hiện hoặc thâm nhập vấn đề

Phát hiện vấn đề từ một tình huống gợi vấn đề Giải thích và chính xác hóa tình huống (khi cần thiết) để hiểu đúng vấn đề được đặt ra. Phát biểu vấn đề và đặt mục tiêu giải quyết vấn đề đó

Bước 2: Tìm giải pháp

Tìm cách giải quyết vấn đề, thường được thực hiện theo sơ đồ sau:



Giải thích sơ đồ

• *Phân tích vấn đề*: làm rõ mối liên hệ giữa cái đã biết và cái cần tìm (dựa vào những tri thức đã học, liên tưởng tới kiến thức thích hợp)

• Hướng dẫn HS tìm chiến lược giải quyết vấn đề thông qua *đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề*. Cần thu thập, tổ chức dữ liệu, huy động tri thức; sử dụng những phương pháp, kĩ thuật nhận thức, tìm đoán suy luận như hướng đích, quy lạ về quen, đặc biệt hóa, chuyển qua những trường hợp suy biến, tương tự hóa, khái quát hóa, xem xét những mối liên hệ phụ thuộc, suy xuôi, suy ngược tiến, suy ngược lùi,... Phương hướng đề xuất có thể được điều chỉnh khi cần thiết. Kết quả của việc đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề là hình thành được một giải pháp.

• *Kiểm tra tính đúng đắn của giải pháp*: Nếu giải pháp đúng thì kết thúc ngay, nếu không đúng thì lặp lại từ khâu phân tích vấn đề cho đến khi tìm được giải pháp đúng. Sau khi đã tìm ra một giải pháp, có thể tiếp tục tìm thêm những giải pháp khác, so sánh chúng với nhau để tìm ra giải pháp hợp lí nhất

***Bước 3.*** *Trình bày giải pháp*

HS trình bày lại toàn bộ từ việc phát biểu vấn đề tới giải pháp. Nếu vấn đề là
một đề bài cho sẵn thì có thể không cần phát biểu lại vấn đề.

***Bước 4.*** *Nghiên cứu sâu giải pháp*

• Tìm hiểu những khả năng ứng dụng kết quả

• Đề xuất những vấn đề mới có liên quan nhờ xét tương tự, khái quát hóa, lật ngược vấn đề,... và giải quyết nếu có thể.[5]

\* *Ưu điểm*

Phương pháp này góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho HS. Trên cơ sở sử dụng vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có HS sẽ xem xét, đánh giá, thấy được vấn đề cần giải quyết.

Đây là phương pháp phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HS sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.

Thông qua việc giải quyết vấn đề, HS được lĩnh hội tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thực ("giải quyết vấn đề" không còn chỉ thuộc phạm trù phương pháp mà đã trở thành một mục đích dạy học, được cụ thể hóa thành một mục tiêu là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, một năng lực có vị trí hàng đầu để con người thích ứng được với sự phát triển của xã hội)

*\* Hạn chế*

Phương pháp này đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian và công sức, phải có năng lực sư phạm tốt mới suy nghĩ để tạo ra được nhiều tình huống gợi vấn đề và hướng dẫn tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề. Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có nhiều thời gian hơn so với các phương pháp thông thường. Hơn nữa, theo Lecne: "Chỉ có một số tri thức và phương pháp hoạt động nhất định, được lựa chọn khéo léo và có cơ sở mới trở thành đối tượng của dạy học nêu vấn đề".

*2.2.2. Hướng dẫn học tập thông qua hoạt động trải nghiệm*

Hoạt động trải nghiệm là những hoạt động giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hoá và là hoạt động tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp. Nó có quan hệ chặt chẽ với hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường nhằm tạo môi trường cho người học, gắn lý thuyết với thực hành, thống nhất giữa nhận thức với hành động và có cơ hội trải nghiệm hành vi ứng xử của mình.

*\* Ý nghĩa*

- Góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển các kỹ năng, hành vi, giáo dục tình cảm, niềm tin ở người học, đặc biệt là giúp người học hình thành và phát triển kỹ năng sống để thích ứng với môi trường sống luôn luôn biến đổi, tạo cơ sở cho sự phát triển nhân cách học sinh một cách toàn diện đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

- Giúp nhà trường và người giáo viên phát triển các chương trình giáo dục, tạo môi trường văn hoá giáo dục trong trường học, xây dựng văn hoá nhà trường, môi trường thân thiện trong nhà trường.

- Hoạt động trải nghiệm nhằm thực hiện các mặt giáo dục trong nhà trường.

- Hoạt động trải nghiệm là bộ phận hữu cơ trong quá trình giáo dục ở nhà trường phổ thông.

- Hoạt động trải nghiệm là bộ phận không thể thiếu được trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tạo sự thống nhất giữa giáo dục và dạy học, giữa giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài nhà trường, giữa thời gian trong năm học và thời gian hè.

- Thông qua hoạt động trải nghiệm, giúp nhà trường huy động các nguồn lực để giáo dục học sinh về mọi mặt, nhằm xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Hoạt động trải nghiệm là môi trường hoạt động của người học hình thành và phát triển nhân cách.

*Bản chất của tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường THCS*

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động của người học, do người học, vì người học, được tổ chức theo mục tiêu, nội dung, chương trình dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp hay nhà sư phạm.

Bản chất của hoạt động này là thông qua tổ chức các loại hình hoạt động, các mối quan hệ nhiều mặt, nhằm giúp người học chuyển hoá một cách tự giác tri thức thành niềm tin, kiến thức thành hành động, biến yêu cầu của nhà trường, của nhà sư phạm thành chương trình hành động của tập thể lớp học sinh và của cá nhân học sinh, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáodục. Tạo cơ hội cho học sinh thể nghiệm tri thức, thái độ, quan điểm và hành vi ứng xử của mình trong một môi trường an toàn, thân thiện có định hướng giáo dục.

*Đặc điểm cơ bản của hoạt động trải nghiệm:*

+ Nội dung hoạt động được tiến hành theo chủ đề của từng cấp học khác nhau,
đòi hỏi người tham gia phải tự giác, tích cực chủ động tham gia vào quá trình hoạt động mới có hiệu quả. Các hoạt động được kết nối với nhau theo một chương trình hoạt động và được thể hiện thông qua kịch bản. Sự thành công của kịch bản lại phụ thuộc vào người dẫn chương trình và tính tích cực của người tham gia. Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động khá đa dạng và phong phú, nhằm tạo hứng thú cho người học và hướng vào người học.

+ Hoạt động trải nghiệm sáng tạo không được coi là môn học, kết quả hoạt động trong một số trường hợp cụ thể không được đánh giá một cách riêng biệt trên từng cá nhân học sinh mà đánh giá mang tính chất nhóm, lớp nhiều hơn

+ Cái được của hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với học sinh đó là sự trưởng thành về mặt nhân cách chứ không phải là điểm số. Hơn nữa hoạt động trải nghiệm sáng tạo đòi hỏi nhiều thời gian cho công tác chuẩn bị của giáo viên và học sinh. Vì vậy, để tổ chức hoạt động trải nghiệm đòi hỏi giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh phải có nhận thức đúng về vai trò và tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm đối với sự hình thành phát triển nhân cách học sinh đồng thời phải có nghệ thuật thu hút các đối tượng tham gia hoạt động và phải tạo môi trường, tạo cơ hội cho người học có được sự thành công khi tham gia hoạt động giáo dục.

*Nội dung, chương trình hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông:*

Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường trung học cơ sở được tiến hành theo các chủ đề lớn, mỗi chủ đề gồm nhiều nội dung chia nhỏ, chủ đề lớn được thiết kế cho cả các khối lớp, nhưng mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động ở các khối lớp là không giống nhau mà được thiết kế theo cấu trúc đồng tâm theo đường xoáy trôn ốc với mục tiêu, nội dung hoạt động ngày một nâng cao dần. Nội dung hoạt động được thiết kế mang tính hệ thống, tính kế thừa, những kết quả hoạt động trải nghiệm ở lớp trước là cơ sở, là tiền đề để tiến hành hoạt động trải nghiệm ở lớp sau, đồng thời những nội dung hoạt động ở lớp sau nhằm củng cố các kết quả ở lớp dưới.

Nội dung hoạt động trải nghiệm sáng tạo không đơn thuần là một nội dung giáo dục mà được tích hợp từ nhiều nội dung khác nhau: Giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống tôn sư trọng đạo, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục quyền, bổn phận, giáo dục giới tính, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục sức khoẻ sinh sản, giáo dục môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục ý thức trách nhiệm của người công dân đối với đát nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vv... Các nội dung trên được tích hợp lồng ghép trong nội dung hoạt động mặc dù tên hoạt động có thể chỉ lấy tên một nội dung cụ thể. Vì vậy, giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm có nhiệm vụ phải căn cứ vào chủ đề, lựa chọn nội dung hoạt động chính và các nội dung giáo dục cần tích hợp để tổ chức hoạt động cho học sinh.

Nội dung hoạt động trải nghiệm được truyền tải qua kế hoạch hoạt động và kịch bản hoạt động, vì vậy khi xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm phải thể hiện được những nội dung cơ bản của hoạt động, thể hiện ý tưởng sư phạm và mục tiêu cần đạt được của hoạt động. Kế hoạch hoạt động được thực thi qua kịch bản, nhưng sự thành công của kịch bản lại phụ thuộc vào vai trò của người dẫn chương trình, do đó để nội dung hoạt động thực sự đi vào thực tiến hoạt động thì vai trò của người dẫn chương trình và người tổ chức rất quan trọng vì họ góp phần không nhỏ vào sự thành công của hoạt động. Do đó, giáo viên chủ nhiệm lớp hay nhà sư phạm cần quan tâm đến bồi dưỡng năng lực tổ chức, năng lực điều khiển hoạt động cho học sinh.

Nội dung hoạt động trải nghiệm được tập trung vào các nội dung cơ bản sau đây: Hoạt động gắn liền với nội dung văn hoá trong nhà trường, hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ, nghệ thuật, các hoạt động xã hội - chính trị, lao động nghề nghiệp, các vấn đề về tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình, các vấn đề về giữ gìnphát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, phòng chống các tệ nạn xã hội, các vấn đề về vai trò của thanh niên trong xây dựng đất nước ở thời kỳ CNH, HĐH, các vấn đề về hoà bình hữu nghị, giáo dục hướng nghiệp, vv... Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là môi trường hoạt động của người học, nó có cơ cấu, nội dung,mục tiêu,phương tiện tương đối khách quan đối với người học vì vậy nó có trở thành hoạt động của người học hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Động cơ hoạt động, điều kiện hoạt động, môi trường hoạt động, vai trò cố vấn của giáo viên và năng lực tự tổ chức của học sinh, v.v...

*2.2.3. Các bước tổ chức một hoạt động trải nghiệm*

HĐTN về cơ bản mang tính chất của hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể. Thông qua HĐTN hình thành những năng lực, kỹ năng sống, phẩm chất tốt đẹp của học sinh. Chính vì thế, để tổ chức HĐTN. Mỗi giáo viên phải giúp đỡ, hỗ trợ các em thực hiện đầy đủ các bước cơ bản sau:

*Bước 1.* Xây dựng ý tưởng;

*Bước 2.* Xây dựng kế hoạch;

*Bước 3.* Công tác chuẩn bị thực hiện;

*Bước 4.* Tổ chức thực hiện;

*Bước 5.* Đánh giá kết quả thực hiện.

Việc các em được tham gia đầy đủ vào từng bước sẽ giúp hình thành và rèn luyện các phẩm chất năng lực cần thiết: năng lực tổ chức, năng lực giao tiếp, tự giải quyết vấn đề... Do đó, giáo viên không nên coi nhẹ một bước nào, cụ thể:

***Bước 1:*** Giúp học sinh xây dựng ý tưởng

*Ví dụ:* Kết thúc hoạt động tháng 10, chuẩn bị cho hoạt động của tháng 11, giáoviên có thể gợi ý bằng nhiều cách để học sinh xây dựng ý tưởng như sau: Theo các em, tháng 11 có ngày lễ nào lớn nhất? (20/11). Vậy các em có suy nghĩ gì về ngày đó? Học sinh sẽ trả lời nhiều ý khác nhau. Trên cơ sở đó, giáo viên sẽ hướng cho học sinh thực hiện một hoạt động có ý nghĩa để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

***Bước 2:*** Học sinh phải định hình những công việc cần làm làm là gì? Tổ chức ở đâu? Những ai thực hiện? Cần có sự giúp đỡ của ai ở trong hoặc ngoài nhà trường? Cần những gì về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng... để thực hiện? Lúc này, vai trò của Hội đồng tự quản lớp được phát huy. Các em vừa là người thu thập và xử lý thông tin, phân tích tình hình và tổ chức lớp để bàn bạc đi đến thống nhất nội dung công việc cần làm. Ở bước này, đối với học sinh lớp Một, lớp Hai, giáo viên có thể ghi chép giúp học sinh kế hoạch, đối với học sinh lớp Ba, Bốn và Năm, giáo viên nên để học sinh tự ghi chép. Tùy theo, các em có thể viết trong vở theo trình tự về nội dung, hình thức, công tác chuẩn bị, thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia... hoặc các em xây dựng bằng sơ đồ, bảng biểu... Như vậy, ngay từ hoạt động này, các em được bộc lộ nhiều khả năng: Ngôn ngữ, giao tiếp, phân tích, phán đoán, lắng nghe, cách trình bày, tổng hợp, tính toán... Đó là cái đích mà giáo viên đang rất cần ở các em. Vì thế, phát huy vài trò của học sinh từ bước 2 là quan trọng để các em làm tốt các bước tiếp theo.

***Bước 3:*** Trong quá trình học sinh thực hiện bước này, giáo viên cần theo dõi, giúp đỡ học sinh việc chuẩn bị thực sự phải an toàn về mọi mặt: Sức khỏe, tác phong, lời nói, ăn mặc, đồ dùng, dụng cụ... phục vụ cho hoạt động. Đặc biệt giáo viên có thể tập huấn, hướng dẫn cho các em các kĩ năng nền cần thiết: cách ghi chép, phỏng vấn hoặc dự đoán tình huống nảy sinh khi thực hiện, cách giải quyết...

***Bước 4:*** Học sinh tiến hành thực hiện công việc. Trong quá trình các em thực hiện, giáo viên cần giúp đỡ và theo dõi. GV cần quan tâm đến những tình huống nảy sinh và sự sáng tạo trong cách giải quyết của các em. Điều này giúp giáo viên có thể đánh giá đúng những phẩm chất năng lực của các em.

***Bước 5:*** Đây là bước cuối cùng của hoạt động, học sinh tự đánh giá lại quá trình hoạt động. Hội đồng tự quản duy trì trực tiếp hoặc học sinh tự viết ra giấy, sau đó Hội đồng tự quản tổng hợp lại các ý kiến.

Nội dung đánh giá phải được tổng hợp lại từ việc xây dựng ý tưởng đến tất cả các bước tổ chức thực hiện; kết quả công việc và ý nghĩa của nó; những bài học kinh nghiệm về mọi mặt; những sáng kiến mới nào có thể áp dụng trên lớp học hoặc hoạt động ngoài lớp học tiếp theo... Thông qua đây, giúp học sinh sẽ có khả năng tư duy sâu hơn; việc giao tiếp được mạnh dạn, tự tin; ý thức trách nhiệm của các em được bộc lộ.

**CHU TRÌNH HỌC QUA TRÀI NGHIỆM**

****

*2.2.3. Hướng dẫn học tập kiến tạo*

Bài học kiến tạo là kiểu bài học được thiết kế và tiến hành theo những nguyên tắc và bản chất của học tập kiến tạo, trong đó những hoạt động giảng dạy và học tập đảm bảo được môi trường học tập mang tính chủ động, quá trình học được định hướng theo chiến lược kiến tạo và quá trình dạy có chức năng khuyến khích, chỉ dẫn và tập trung vào người học. Nói cách khác, bài học kiến tạo là kiểu bài học có chức năng tích cực hóa người học và quá trình học tập, định hướng người học vào hoạt động tìm tòi, suy ngẫm, chủ động khai thác, tiếp nhận, đánh giá thông tin và xử lí các sự kiện, tình huống, tự giác với quá trình học tập của mình. Bài học kiến tạo đồng nghĩa với bài học tích cực hóa người học và tích cực hóa bằng con đường khuyến khích người học nỗ lực tìm tòi bằng chính hoạt động của mình.

*2.2.3.1. Những nguyên tắc của bài học kiến tạo*

Đảm bảo tập trung vào hoạt động của người học

Bài học kiến tạo thực chất là bài học tích cực hóa người học, phát huy tính tích cực học tập, làm cho người học hoạt động chủ động hơn, suy nghĩ nhiều hơn. Vì thế toàn bộ những yếu tố của bài học kiến tạo đều tập trung vào hoạt động của người học, xem đó là động lực của dạy học. Mặt khác trong bài học kiến tạo, những hành động dạy học của nhà giáo đều phải dựa vào hoạt động của người học vì chỉ có duy nhất người học mới học được những gì họ muốn và họ cần, không ai học thay họ được.

Đảm bảo định hướng việc học vào tìm tòi, phát hiện, suy ngẫm

Bài học kiến tạo dạy người ta cách tự mình giành lấy học vấn mình cần. Cách đó chính là tìm tòi, phát hiện, suy ngẫm trước mọi sự cần học theo phong cách khoa học. Bản chất của học tập là tìm tòi, phát hiện thế giới thông qua thế giới quan của mình. Nguyên tắc hướng việc học vào tìm tòi, phát hiện là nguyên tắc sống còn của bài học kiến tạo. Vì nó đảm bảo tính sáng tạo của học tập, chứ không phải là lặp lại kinh nghiệm và tiền lệ, tức là phát triển kinh nghiệm theo lối của mình (Dewey).

Đảm bảo phát huy tính chủ động của người học

Nguyên tắc này đòi hỏi những gì học sinh thực hiện là chủ động, tự giác với nhu cầu và khát vọng bên trong chứ không do áp lực từ bên ngoài. Tức là bài học kiến tạo phải có sức cuốn hút, khiến cho học sinh muốn học, học tự giác và say mê, với động cơ là lĩnh hội nội dung học tập một cách tốt nhất. Vì thế học tập kiến tạo cũng là kiểu học hiệu quả nhất để phát triển kĩ năng học tập và năng lực tự học

Đảm bảo khuyến khích tư duy phân kì (tư duy đa phương án)

Nguyên tắc này đòi hỏi BHKT ưu tiên cho việc phát triển tư duy đa phương án để huy động tối đa hoạt động trí tuệ, khai thác mọi phong cách học tập khác nhau (ví dụ như 8 phong cách học tập tương ứng với 8 dạng trí tuệ mà H. Gardner đề nghị là trí tuệ hướng nội, trí tuệ hướng ngoại, trí tuệ tự nhiên, trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ logic-toán, trí tuệ không gian, trí tuệ vận động). Tư duy đa phương án có đặc trưng là không duy nhất thừa nhận chỉ một cách nghĩ, một cách làm, một cách cảm nhận mà luôn hướng đến những giải pháp đa dạng, giàu tính sáng tạo.

Đảm bảo việc tôn trọng những sự kiện và bằng chứng thực tế

Nguyên tắc này xác nhận học tập kiến tạo không khác gì nghiên cứu khoa học, luôn dựa vào sự kiện, bằng chứng thực tế và những lập luận logic bằng tư duy biện chứng. Bài học kiến tạo hạn chế lối học vẹt, cách nghĩ theo lối mòn, theo tiền lệ và tư biện, khuyến khích tính sáng tạo và khai thác những bằng chứng thực chứng, hướng dẫn cách học tập theo các chiến lược nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Do đó trong giáo dục khoa học thì bài học kiến tạo thường dựa vào thực nghiệm khoa học.

Đảm bảo tạo ra được môi trường học tập kiến tạo

Bài học kiến tạo cuối cùng phải đảm bảo tạo ra môi trường học tập kiến tạo là cái
nền chung diễn ra quá trình học tập. Những đặc trưng của môi trường học tập kiến tạo gồm:

- Có tính mở và linh hoạt về không gian và quản lí

- Có quan hệ tham gia và hợp tác mạnh mẽ

- Giàu thông tin và đa tương tác

- Có tính nhân văn và giàu cảm xúc

- Có tính vấn đề và khuyến khích học tập chủ động

*2.3.2. Những qui tắc của bài học kiến tạo môn Khoa học*

*Giáo viên không làm thay học sinh*

Trong việc học không có cái gì giáo viên được phép làm hộ học sinh mà chỉ có trách nhiệm giúp đỡ, khuyến khích các em tự làm. Đó là qui tắc để dần tạo ra tâm thế chủ động, phát huy tính tích cực và ý thức trách nhiệm của học sinh, đồng thời là biện pháp thể hiện sự tôn trọng học sinh.

*Huy động được nỗ lực của cả cá nhân lẫn của nhóm hay lớp*

Qui tắc này đòi hỏi cân bằng giữa cá nhân hóa, phân hóa và chỉ dẫn đồng loạt trong dạy học, không coi nhẹ bên nào. Giáo viên phải thông qua nỗ lực của từng em học sinh mà khuyến khích cả nhóm hay cả lớp. Ngược lại giáo viên phải thông qua ảnh hưởng của cả nhóm hoặc lớp mà tác động đến từng học sinh trong quá trình dạy học.

*Tạo nhiều cơ hội hoạt động cho học sinh*

Qui tắc này được thực hiện ngay từ thiết kế bài học, đặc biệt khâu thiết kế hoạt động của người học và phương pháp, phương tiện dạy học và học liệu. Khi có nhiềucơ hội hoạt động thì học sinh dễ lựa chọn cách làm, không làm cách này thì làm cách kia, cách này không hợp thì làm cách khác, không làm được việc này thì làm việc kia. Như vậy các em không có cơ hội ngồi yên một cách thụ động mà luôn có có thể tham gia vào quá trình học tập.

*Tiến trình dạy học linh hoạt*

Qui tắc này tránh việc học bị gò ép vào một khuôn khổ hay hình mẫu nhất định
mà khuyến khích những ý tưởng hay cách làm mới, không lặp lại tiền lệ và thói quen, phát triển kĩ năng học tập hiệu quả theo hướng tìm tòi, phát hiện, nghiên cứu và sáng tạo. Khi tiến trình dạy học linh hoạt thì việc học tập cũng linh hoạt, nhạy bén và các hình thức học tập sẽ đa dạng.

*Đánh giá tập trung vào quá trình*

Sứ mạng cốt lõi của bài học kiến tạo là làm cho người học tiến hành học tập theo kiểu tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu. Đó là dạy cách học, dạy khát vọng học tập. Còn tìm hay phát hiện ra cái gì cụ thể không phải là quan trọng nhất vì cái cần tìm đó đã có trong sách. Điều cần nhất là quá trình học tập diễn ra thế nào. Theo triết lí kiến tạo, nó phải là quá trình năng động, chủ động, tích cực, tập trung vào suy nghĩ để tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu. Đánh giá cần tập trung vào những đặc điểm của quá trình học tập.

*2.2.4. Tận dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông*

- Hiện nay các trường phổ thông đều trang bị phòng máy, phòng đa năng, nối mạng Internet và Tin học được giảng dạy chính thức, một số trường còn trang bị thêm Thiết bị ghi âm, chụp hình, quay phim (Sound Recorder, Camera, Camcorder), máy quét hình (Scanner), và một số thiết bị khác, tạo cơ sở hạ tầng CNTT cho giáo viên sử dụng vào quá trình dạy học của mình.

- Công nghệ thông tin mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học. Những phương pháp dạy học theo cách tiếp cận kiến tạo, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề càng có nhiều điều kiện để ứng dụng rộng rãi. Các hình thức dạy học như dạy học đồng loạt, dạy theo nhóm, dạy cá nhân cũng có những đổi mới trong môi trường công nghệ thông tin và truyền thông.

- Công nghệ phần mềm phát triển mạnh, trong đó các phần mềm giáo dục cũng đạt được những thành tựu đáng kể như: bộ Office, Cabri, Crocodile, SketchPad/Geomaster SketchPad, Maple/Mathenatica, ChemWin, LessonEditor/VioLet …hệ thống WWW, Elearning và các phần mền đóng gói, tiện ích khác. Do sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông mà mọi người đều có trong tay nhiều công cụ hỗ trợ cho quá trình dạy học nói chung và phần mềm dạy học nói riêng. Nhờ có sử dụng các phần mềm dạy học này mà học sinh trung bình, thậm chí học sinh trung bình yếu cũng có thể hoạt động tốt trong môi trường học tập.

Phần mềm dạy học được sử dụng ở nhà cũng sẽ nối dài cánh tay của giáo viên tới
từng gia đình học sinh thông qua hệ thống mạng. Nhờ có máy tính điện tử mà việc thiết kế giáo án và giảng dạy trên máy tính trở nên sinh động hơn, tiết kiệm được nhiều thời gian hơn so với cách dạy theo phương pháp truyền thống, chỉ cần “bấm chuột”, vài giây sau trên màn hình hiện ra ngay nội dung của bài giảng với những hình ảnh, âm thanh sống động thu hút được sự chú ý và tạo hứng thú nơi học sinh.

***Ưu điểm nổi bật của phương pháp dạy học bằng công nghệ thông tin so với phương pháp giảng dạy truyền thống là:***

- Môi trường đa phương tiện kết hợp những hình ảnh vedeo, camera … với âm thanh, văn bản, biểu đồ … được trình bày qua máy tính theo kịch bản vạch sẵn nhằm đạt hiệu quả tối đa qua một quá trình học đa giác quan;

- Kĩ thuật đồ hoạ nâng cao có thể mô phỏng nhiều quá trình, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội trong con người mà không thể hoặc không nên để xảy ra trong điều kiện nhà trường;

- Công nghệ tri thức nối tiếp trí thông minh của con người, thực hiện những công việc mang tính trí tuệ cao của các chuyên gia lành nghề trên những lĩnh vực khác nhau;

- Những ngân hàng dữ liệu khổng lồ và đa dạng được kết nối với nhau và với người sử dụng qua những mạng máy tính kể cả Internet … có thể được khai thác để tạo nên những điều kiện cực kì thuận lợi và nhiều khi không thể thiếu để học sinh học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, tích cực và sáng tạo, được thực hiện độc lập hoặc trong giao lưu.

Những thí nghiệm, tài liệu được cung cấp bằng nhiều kênh: kênh hình, kênh chữ, âm thanh sống động làm cho học sinh dễ thấy, dễ tiếp thu và bằng suy luận có lý, học sinh có thể có những dự đoán về các tính chất, những quy luật mới. Đây là một công dụng lớn của công nghệ thông tin và truyền thông trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học. Có thể khẳng định rằng, môi trường công nghệ thông tin và truyền thông chắc chắn sẽ có tác động tích cực tới sự phát triển trí tuệ của học sinh và điều này làm nảy sinh những lý thuyết học tập mới.

***Các thách thức:*** Theo nhận định của một số chuyên gia, thì việc đưa công nghệ thông tin và truyền thông ứng dụng vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, những gì đã đạt được vẫn còn hết sức khiêm tốn. Khó khăn, vướng mắc và những thách thức vẫn còn ở phía trước bởi những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn. Chẳng hạn:

- Tuy máy tính điện tử mang lại rất nhiều thuận lợi cho việc dạy học nhưng trong một mức độ nào đó, thì công cụ hiện đại này cũng không thể hỗ trợ giáo viên hoàn toàn trong các bài giảng của họ. Nó chỉ thực sự hiệu quả đối với một số bài giảng chứ không phải toàn bộ chương trình do nhiều nguyên nhân, mà cụ thể là, với những bài học có nội dung ngắn, không nhiều kiến thức mới, thì việc dạy theo phương pháp truyền thống sẽ thuận lợi hơn cho học sinh, vì giáo viên sẽ ghi tất cả nội dung bài học đó đủ trên một mặt bảng và như vậy sẽ dễ dàng củng cố bài học từ đầu đến cuối mà không cần phải lật lại từng “slide” như khi dạy trên máy tính điện tử.

Những mạch kiến thức “ vận dụng” đòi hỏi giáo viên phải kết hợp với phấn trắng bảng đen và các phương pháp dạy học truyền thống mới rèn luyện được kĩ năng cho học sinh.

- Bên cạnh đó, kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin ở một số giáo viên vẫn còn hạn chế, chưa đủ vượt ngưỡng để đam mê và sáng tạo, thậm chí còn né tránh. Mặc khác, phương pháp dạy học cũ vẫn còn như một lối mòn khó thay đổi, sự uy quyền, áp đặt vẫn chưa thể xoá được trong một thời gian tới. Việc dạy học tương tác giữa người - máy, dạy theo nhóm, dạy phương pháp tư duy sáng tạo cho học sinh, cũng như dạy học sinh cách biết, cách làm, cách chung sống và cách tự khẳng định mình vẫn còn mới mẻ đối với giáo viên và đòi hỏi giáo viên phải kết hợp hài hòa các phương pháp dạy học đồng thời phát huy ưu điểm của phương pháp dạy học này làm hạn chế những nhược điểm của phương pháp dạy học truyền thống. Điều đó làm cho công nghệ thông tin, dù đã được đưa vào quá trình dạy học, vẫn chưa thể phát huy tính trọn vẹn tích cực và tính hiệu quả của nó.

- Việc sử dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học chưa được
nghiên cứu kỹ, dẫn đến việc ứng dụng nó không đúng chỗ, không đúng lúc, nhiều khi lạm dụng nó.

- Việc đánh giá một tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin còn lúng túng, chưa xác định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chính sách, cơ chế quản lý còn nhiều bất cập, chưa tạo được sự đồng bộ trong thực hiện. Các phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học bằng phương tiện chiếu projector, … còn thiếu và chưa đồng bộ và chưa hướng dẫn sử dụng nên chưa triểnkhai rộng khắp và hiệu quả.

- Việc kết nối và sử dụng Internet chưa được thực hiện triệt để và có chiều sâu; sử dụng không thường xuyên do thiếu kinh phí, do tốc độ đường truyền. Công tác đào tạo, Công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chỉ mới dừng lại ở việc xoá mù tin học nên giáo viên chưa đủ kiến thức, mất nhiều thời gian và công sức để sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học một cách có hiệu quả.

***2.3. Một số kĩ thuật dạy học hiệu quả***

1. Kỹ thuật chia nhóm: Chia nhóm theo số điểm danh, theo các màu sắc, theo các loài hoa, các mùa trong năm, theo hình ghép, theo sở thích, theo tháng sinh.

2. Kĩ thuật đặt câu hỏi: Ngắn gọn, rõ ràng, đúng lúc, đúng chỗ, phù hợp với trình độ HS, kích thích suy nghĩ của HS...

3. Kĩ thuật khăn trải bàn: HS được chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 1 tờ giấy Ao. Mỗi thành viên sẽ viết suy nghĩ của mình vào các cạnh của khăn trải bàn sau đó thảo luận, tìm ra ý chung để viết vào giữa.

4. Kĩ thuật phòng tranh: GV nêu vấn đề, HS phác họa ý tưởng trên 1 tờ bìa và treo quanh phòng. HS cả lớp đi xem triển lãm và thống nhất phương án tối ưu.

5. Kĩ thuật công đoạn: HS được chia thành các nhóm, mỗi nhóm giải quyết một nhiệm vụ và ghi vào giấy sau đó sẽ luân chuyển tờ giấy ghi kết quả đến khi nhóm nhận lại được tờ giấy ghi KQ của nhóm mình để hoàn thiện và treo kết quả thảo luận xung quanh lớp.

6. Kĩ thuật động não: GV nêu vấn đề, HS suy nghĩ nhanh để đưa ra phương án trả lời trong 1 TG nhất định, càng nhiều câu trả lời càng tốt.

7. Kỹ thuật trình bày 1 phút: HS có 1 phút để trình bày, tổng kết lại các kiến thức đã học.

8. Kỹ thuật "Bể cá”: dùng cho TL nhóm, 1 nhóm ngồi giữa lớp TL, những người học khác ngồi xung quanh vòng ngoài theo dõi cuộc TL đó và đưa ra nhận xét về việc thảo luận của những người ở vòng trong.

9. Kỹ thuật bản đồ tư duy

**3. Dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn**

***3.1. Khái niệm dạy học tích hợp liên môn***

Dạy học tích hợp liên môn là dạy cho HS biết tổng hợp kiến thức, kĩ năng ở nhiều môn học để giải quyết các nhiệm vụ học tập và hình thành năng lực giải quyết các tình huống thực tiễn. Trong đó:

Dạy học tích hợp: đưa những nội dung giáo dục có liên quan và quá trình dạy học các môn học như: GD môi trường, lối sống, GD pháp luật, …

Dạy học liên môn: xác định được nội dung các KT liên quan đến các môn học khác để dạy học, tránh việc HS phải học lại nhiều lần cùng một nội dung KT ở các môn học khác nhau. Đối với những kiến thức liên môn nhưng có một môn học chiếm ưu thế thì có thể bố trí dạy trong chương trình môn học đó và không phải dạy ở môn học khác. Trường hợp nội dung KT có tính liên môn cao thì tách ra thành chủ đề liên môn để dạy riêng vào một thời điểm phù hợp, song song với quá trình dạy học các môn liên quan.

Ví dụ: Kiến thức Vật lí và Công nghệ trong động cơ, máy phát điện; kiến thức Vật lí và Hóa học trong nguồn điện hóa học; kiến thức Lịch sử và Địa lí trong chủ quyền biển, đảo; kiến thức Ngữ văn và Giáo dục Công dân trong giáo dục đạo đức, lối sống...

***3.2. Mục tiêu của dạy học tích hợp liên môn***

Làm cho quá trình học tập có ý nghĩa hơn: hình thành ở người học những NL, phẩm chất rõ ràng.

HS phân biệt được cái cốt yếu với cái ít quan trọng hơn do dự tính được những điều cần thiết cho HS

Quan tâm đến việc sử dụng kiến thức trong tình huống cụ thể, giúp HS hòa nhập vào thực tiễn cuộc sống

HS xác lập được mối quan hệ giữa các khái niệm đã học

***3.3. Đặc điểm của dạy học tích hợp liên môn***

Lấy người học làm trung tâm

Định hướng, phân hóa năng lực người học

Dạy và học các năng lực thực tiễn

Rút ngắn thời gian dạy học mà vẫn tăng được khối lượng và chât lượng thông tin.

***3.4. Ưu điểm của việc dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn***

Đối với học sinh:

- Các chủ đề liên môn, tích hợp có tính thực tiễn nên sinh động, hấp dẫn, có ưu thế trong việc tạo ra động cơ, hứng thú học tập cho học sinh.

- Học các chủ đề tích hợp, liên môn, học sinh được tăng cường vận dụng kiến thức tổng hợp vào giải quyết các tình huống thực tiễn, ít phải ghi nhớ kiến thức một cách máy móc.

- Các chủ đề tích hợp, liên môn giúp cho học sinh không phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau, vừa gây quá tải, nhàm chán, vừa không có được sự hiểu biết tổng quát cũng như khả năng ứng dụng của kiến thức tổng hợp vào thực tiễn.

Đối với giáo viên:

- Khi dạy chủ đề liên môn, GV có sự am hiểu về những kiến thức liên môn đó;

 - GV là người tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học của học sinh cả ở trong và ngoài lớp học; vì vậy, giáo viên các bộ môn liên quan có điều kiện và chủ động hơn trong sự phối hợp, hỗ trợ nhau trong dạy học.

Như vậy, dạy học theo các chủ đề liên môn không những giảm tải cho giáo viên trong việc dạy các kiến thức liên môn trong môn học của mình mà còn có tác dụng bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kĩ năng sư phạm cho giáo viên, góp phần phát triển đội ngũ giáo viên bộ môn hiện nay thành đội ngũ giáo viên có đủ năng lực dạy học kiến thức liên môn, tích hợp. Thế hệ giáo viên tương lai sẽ được đào tạo về dạy học tích hợp, liên môn ngay trong quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm.

***3.5. Bố trí giáo viên giảng dạy***

Trong thời gian đầu, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, phân công giáo viên phối hợp thực hiện hoặc có thể tham mưu để hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất thực hiện. Thông qua việc triển khai dạy học các chủ đề tích hợp liên môn và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên giúp nhau tự bồi dưỡng để những năm học sau mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học tích hợp.

Việc quản lý dạy học các chủ đề tích hợp liên môn cần thực hiện theo hướng bảo đảm quyền tự chủ của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý về công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

1. Chú trọng các biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thời gian, kinh phí...; khuyến khích, tạo động lực cho giáo viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch, đề xuất điều chỉnh, báo cáo kết quả và kinh nghiệm tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp liên môn.

2. Các hoạt động chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra của cấp trên đều phải tôn trọng kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt của nhà trường. Các cấp quản lý chưa xếp loại giờ dạy, chưa thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên dạy học các chủ đề tích hợp liên môn.

3. Tập trung đổi mới sinh hoạt của tổ/nhóm chuyên môn thông qua hoạt động
nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để điều chỉnh và góp ý điều chỉnh nội dung dạy học các chủ đề tích hợp liên môn; hoàn thiện từng bước nội dung các chủ đề và kế hoạch môn học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Nên ghi hình các tiết dạy và các cuộc họp, thảo luận/rút kinh nghiệm để làm tư liệu chia sẻ cho giáo viên tham khảo.

Tổ chức tốt hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường; cử người phụ trách tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên "Trường học kết nối" và chỉ đạo các trường tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng; tăng cường tổ chức các hội thảo, đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện dạy học các chủ đề tích hợp liên môn.

4. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua các hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập, giao lưu giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục triển khai mô hình trường học mới và các cơ sở giáo dục khác.

***3.6. Xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp liên môn***

*3.6.1. Các nguyên tắc xây dựng chủ đề tích hợp liên môn*

Đảm bảo tính hệ thống, chọn lọc nhưng có sự thống nhất đồng bộ giữa các môn liên quan

Có tính thực tế (tính khả thi cao)

Đạt được mục tiêu GDPT và GD môn học

Khi tổ chức các hoạt động dạy học cần:

- Lựa chọn các PPDH tích cực

- Tăng cường hợp tác với các GV khác cùng môn, các môn liên quan, tích hợp sao cho kiến thức vừa đủ để HS tiếp thu, tránh trùng lặp, nặng nề.

*3.6.2. Xác định nội dung dạy học tích hợp liên môn*

Rà soát chương trình các môn học có liên quan với nhau trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, tìm ra những kiến thức chung để xây dựng thành các chủ đề dạy học tích hợp liên môn.

*3.6.3. Các bước xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp liên môn*

Xác định mục tiêu dạy học

Xác định mục đích tích hợp

Xác định nội dung tích hợp

Xác định mức độ tích hợp

Lựa chọn PP, phương tiện, hình thức tổ chức phù hợp với chủ đề tích hợp và mục tiêu dạy học

Tổ chức dạy học theo nội dung tích hợp, xác định hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá.

*3.6.4. Nội dung trình bày một chủ đề tích hợp liên môn*

*Tên chủ đề*

Căn cứ vào nội dung kiến thức và các ứng dụng của chúng trong thực tiễn để
xác định tên chủ đề sao cho phù hợp, thể hiện được nội dung tích hợp liên môn.

*Nội dung trong chương trình các môn học được tích hợp trong chủ đề*

- Trình bày về nội dung kiến thức thuộc chương trình các môn học được dạy học
tích hợp trong chủ đề; nêu rõ yêu cầu cần đạt; tên bài (tiết), thời lượng phân phối
chương trình hiện hành và thời điểm dạy học theo chương trình hiện hành;

- Phương án/kế hoạch dạy học môn học sau khi đã tách riêng phần nội dung kiến
thức được dạy học theo chủ đề đã xây dựng;

- Trình bày nội dung dạy học trong chủ đề; phân tích về thời lượng và thời điểm
thực hiện chủ đề trong mối liên hệ phù hợp với chương trình dạy học các môn học liên quan

- Trình bày ý tưởng/câu hỏi của chủ đề nhằm giải quyết một vấn đề nào đó để qua
đó học sinh học được nội dung kiến thức liên môn và các kĩ năng tương ứng đã được tách ra từ chương trình các môn học nói trên, có thể là vấn đề theo nội dung dạy học hoặc vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn;

- Ý nghĩa của việc thực hiện chủ đề trong dạy học các môn học liên quan/hoạt động
trải nghiệm sáng tạo đối với việc hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

*Mục tiêu của chủ đề*

a) Về kiến thức: Trình bày về nội dung kiến thức mà học sinh sẽ học được thông
qua chủ đề (chỉ trình bày những kiến thức sẽ được đánh giá).

b) Về kĩ năng: Trình bày về những kĩ năng của học sinh được hình thành thông
qua thực hiện các hoạt động học theo chủ đề (chỉ trình bày những kĩ năng sẽ
được đánh giá). Sử dụng động từ hành động để ghi các loại kĩ năng và năng lực
mà học sinh được phát triển qua thực hiện chủ đề.

c) Về thái độ: Trình bày về những tác động của việc thực hiện các hoạt động học
theo chủ đề đối với nhận thức, giá trị sống và định hướng hành vi của học sinh.

d) Các năng lực chính hướng tới: Học sinh được học thông qua thực hành, sáng tạovà tạo ra sản phẩm học tập có ý nghĩa cho bản thân; có thể thiết kế, xây dựng, sáng tạo ra một sản phẩm hoặc thực hiện một việc nào đó. Các năng lực đọc, viết, toán học, khoa học... được phát triển trong việc tạo ra sản phẩm học tập.

*Mô tả mức độ nhận thức của chủ đề*: 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao.

*Thiết kế hoạt động dạy học*

Dạy học theo các chủ đề, dù đơn môn hay liên môn, đều phải chú trọng việc ứng dụng kiến thức của chủ đề ấy, bao gồm ứng dụng vào thực tiễn cũng như ứng dụng trong các môn học khác. Do vậy, về mặt phương pháp dạy học thì không có phân biệt giữa dạy học một chủ đề đơn môn hay dạy học một chủ đề liên môn, tích hợp. Điều quan trọng là dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh đòi hỏi phải tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo cho học sinh, mà các hoạt động ấy phải được tổ chức ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ngoài trường, ở nhà và cộng đồng, đặc biệt quan tâm đến hoạt động thực hành và ứng dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

*Sản phẩm cuối cùng của chủ đề*

Mô tả rõ sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành về nội dung và hình thức thể hiện (bài báo báo, bài trình chiếu, tập tranh ảnh, video, mô hình, vật thật, dụng cụ thí nghiệm, phần mềm.); nêu rõ tên và yêu cầu của sản phẩm cùng với tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**4. Báo cáo kinh nghiệm và hướng dẫn giáo viên dạy học các chủ đề tích hợp liên môn**

Để giáo viên có thể tổ chức tốt các hoạt động học cho học sinh, cần hướng dẫn cụ thể để giáo viên tổ chức các hoạt động học tương ứng đã được biên soạn trong kế hoạch dạy học mỗi chủ đề như sau:

***4.1. Hướng dẫn chung***

Làm rõ về tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng
trong chủ đề, giúp cho giáo viên hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học
trong cả chuỗi hoạt động học của chủ đề.

***4.2. Hướng dẫn cụ thể cho môi hoạt động học của học sinh***

- Hướng dẫn về kĩ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức hoạt động (động
não, khăn trải bàn, các mảnh ghép, phòng tranh...) thể hiện trong kế hoạch dạy
học các chủ đề đã được biên soạn; gợi ý về các kĩ thuật dạy học khác có thể được
sử dụng để giáo viên có thể lựa chọn, điều chỉnh kế hoạch dạy học các chủ đề cho
phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Hướng dẫn về kĩ thuật sử dụng các thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong
hoạt động học của học sinh (nếu có) đã được biên soạn trong kế hoạch dạy học
chủ đề; gợi ý những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.

- Hướng dẫn để làm rõ về cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên
soạn trong kế hoạch dạy học mỗi chủ đề qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học
liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có
thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ
học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học
tập;...

- Hướng dẫn phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể
hiện trong kế hoạch dạy học mỗi chủ đề (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách
biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của
học sinh; xây dựng bảng tự đánh giá (rubric); cách tổ chức cho học sinh tự đánh
giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật kí dạy học...); gợi ý các phương án đánh
giá khác có thể sử dụng.

Với việc tổ chức tiến trình dạy học như trên, có thể hình dung mỗi chủ đề dạy học bao gồm một số nhiệm vụ học tập được thiết kế thành các hoạt động kế tiếp nhau. Lớp học có thể được chia thành từng nhóm nhỏ. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đềhọc tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Trong nhóm nhỏ, mỗi thành viên đều phải làm việc tích cực, không thể ỷ lại vào một vài người hiểu biết và năng động hơn. Các thành viên trong nhóm giúp đỡ nhau tìm hiểu vấn đề nêu ra trong không khí thi đua với các nhómkhác. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Các kĩ thuật dạy học tích cực như: khăn trải bàn, các mảnh ghép, động não, bản đồ tư duy, XYZ, ổ bi... sẽ được sử dụng trong tốt chức hoạt động nhóm trên lớp đểthực hiện các nhiệm vụ nhỏ nhằm đạt mục tiêu dạy học. Trong mỗi hoạt động, giáo viên có thể sử dụng một kĩ thuật nào đó để giao cho học sinh giải quyết một nhiệm vụ học tập được giao. Kết quả hoạt động của các nhóm học sinh được đưa ra thảo luận, từ đó nảy sinh vấn đề cần giải quyết và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết vấn đềđó. Hoạt động giải quyết vấn đề của học sinh có thể được thực hiện ngay trong giờ học trên lớp nhưng thường thì phải thực hiện ở nhà, giữa hai giờ lên lớp kế tiếp nhau mới đạt được hiệu quả cao. Giai đoạn này, các phương pháp quan sát, ôn tập, nghiên cứu độc lập cần được hướng dẫn cho học sinh sử dụng. Các kĩ thuật dạy học tích cực sẽ được tiếp tục sử dụng trên lớp trong giờ học sau đó để tổ chức các hoạt động trao đổi, tranh luận của học sinh về vấn đề đang giải quyết nhằm đạt được mục tiêu dạy học. Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học như trên, vấn đề đánh giá của giáo viên và đánh giá của học sinh về kết quả hoạt động (bao gồm tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng) được quan tâm thực hiện. Trong toàn bộ tiến trình tổ chức hoạt động dạy học như trên, các phương pháp truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành vẫn còn nguyên giá trị của chúng và cần phải được khai thác sử dụng một cách hợp lí, đúng lúc, đúng chỗ để đạt được hiệu quả cao nhất.

***4.3. Kinh nghiệm tổ chức dạy học chủ đề tích hợp liên môn qua "Trường học kết nối”***

Như đã nói ở trên, tiến trình dạy học mỗi chủ đề bao gồm các hoạt động học của học sinh trong lớp, ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng. Thời gian dạy học trên lớp chủ yếu dành cho các hoạt động nhằm phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề, xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề, trình bày báo cáo, trao đổi, thảo luận về kết quả giải quyết vấn đề. Hoạt động tìm tòi, nghiên cứu nhằm giải quyết vấn đề của học sinh, bao gồm việc nghiên cứu tài liệu và thực hành, thí nghiệm (nếu có) nên giao cho HS chủ động thực hiện ở ngoài lớp học (trong phòng thí nghiệm, thư viện), ở nhà và cộng đồng (nếu cần). Quá trình hoạt động học tập, nghiên cứu của HS bên ngoài lớp học cần được theo dõi, kiểm tra và hỗ trợ thường xuyên nhằm đảm bảo sự thành cồng và hiệu quả. Vì vậy, việc tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp liên môn cần phải tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện chức năng đó của giáo viên. Trên trang mạng giáo dục "Trường học kết nối" hiện nay đã có đầy đủ công cụ để mỗi giáo viên tổ chức các bài học để hướng dẫn HS học tập song song với quá trình dạy học trên lớp. Để thực hiện điều đó, mỗi GV phải có tài khoản giáo viên do nhà trường cấp cùng với danh sách các tài khoản của HS các lớp được giao phụ trách. Sử dụng tài khoản GV, mỗi GV có thể thực hiện các hoạt động sau trên "Trương học kết nối":

*a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy*

Trong “Không gian trường học”, chọn mục “Danh sách lớp” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra. Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “Xem danh sách lớp” tương ứng.

*b) Quản lý điểm*

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh: Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “Quản lý điểm” trong “Không gian trường học”. Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính
điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “Tổng kết môn” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

*a) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh*

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích
chuột vào tên lớp trong “Danh sách lớp”. Giáo viên chủ nhiệm có thể:

- Tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh.

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh.

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh.

*b) Tổ chức dạy học cho học sinh*

Mô đun “Quản lí bài học” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề
mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lí danh sách các bài học.

- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo bài học, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh: Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào bài học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Đối với từng bài học/chủ đề, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh. Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia bài học/chủ đề. Khi giáo viên xác nhận học sinh đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của bài học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn trong mục "Thông báo chung"; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi HS đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục "Thắc mắc của học sinh".

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm HS đã upload lên. Giáo viên có thể dowload xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh. Với các công cụ nêu trên, khi tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp liên môn, song song với việc dạy học trên lớp, các giáo viên cần tổ chức các chủ đề trên "Trường học kết nối" để giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà và cộng đồng.

Thông qua "Trường học kết nối", học sinh được hướng dẫn, hỗ trợ để thực hiện các
nhiệm vụ được giao; hoàn thành các sản phẩm học tập theo yêu cầu; nộp sản phẩm
học tập lên mạng "Trường học kết nối" để được đánh giá, góp ý hoàn thiện. Việc
đánh giá có thể được thực hiện bởi giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

**CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP VẬN DỤNG**

1. Phân tích tính cấp thiết phải chuyển từ dạy học theo định hướng nội dung sang dạy học theo định hướng PTNLHS trong trường THCS ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

2. Đê xuất các biện pháp để vận dụng dạy hoc theo định hướng PTNLHS tại trường anh (chị) đang công tác

3. Bằng lý luận và thực tiễn, hãy phân tích và chứng minh: không có PPDH tối ưu, chỉ có sự tối ưu trong kết hợp các PPDH.

4. Phân tích nguyên tắc và các bước xây dựng chủ đề tích hợp liên môn

5. Xây dựng kế hoạch bài giảng cho một tiết học thuộc môn anh (chị) đang giảng dạy, trong đó thể hiện rõ việc vận dụng dạy học theo tiếp cận năng lực.

6. Xây dựng kế hoạch bài giảng cho một tiết học hoặc một chủ đề thuộc môn anh (chị) đang giảng dạy, trong đó thể hiện rõ các bước xây dựng chủ đề tích hợp, liên môn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II*, 2018.

2. Đại học Sư phạm Hà Nội, *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II*, 2018.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo,*Tài liêu tập huấn: Dạy học và kiểm tra, đánh gái kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh THCS*, 2014

4. Dự án Việt - Bỉ. *Dạy và học tích cực: một số phương pháp và kĩ thuật dạy*
*học*. NXB Đại học Sư phạm, 2010

5. Nguyễn Công Khanh, *Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo cách tiếp cận*
*năng lực*, Tập huấn giáo viên, 2013